

THỰC TRẠNG ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI SỐ NGƯỜI TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO THƯỜNG XUYỀN TỈNH QUẢNG NINH

Lộc Đình Cường*
Nguyễn Ngọc Tuấn**

Tóm tắt:

Thông qua sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp phỏng vấn; phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp quan sát sự phạm và phương pháp toán học thống kê, đề tài đã đi sâu nghiên cứu thực trạng đặc điểm số người tập luyện TDTT thường xuyên trên các phương diện số lượng, động cơ tập luyện, địa điểm tập luyện, thành phần nghề nghiệp và lựa chọn môn thể thao để tập luyện. Là cơ sở quan trọng để xác định các giải pháp nâng cao số người tập luyện TDTT thường xuyên, qua đó thúc đẩy sự phát triển phong trào TDTT quần chúng trong tỉnh Quảng Ninh.

Từ khóa: Đặc điểm xã hội, tỉnh Quảng Ninh, thể dục thể thao quần chúng.

Social characteristics of people regularly play sports in Quang Ninh province

Summary:

By using the methods of data annalysis and synthesis, interviewing, sociological investigation, pedagogical observation, the study has conducted a research on the characteristics of people who regularly play sports following the aspects of number, motivation and places of playing sports, their profession and direction of choosing kind of sports. This is an significant basis to find out the solution to increase the number of people often playing sports, thereby develop the mass sports movement in Quang Ninh province.

Keyword: Social characteristics, Quang Ninh province, mass sports.

ĐẶT VẤN ĐỀ

TDTT quần chúng và thể thao thành tích cao là hai bộ phận có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Bất kỳ địa phương nào muốn phát triển sự nghiệp TDTT đều cần quan tâm phát triển cả hai bộ phận đó. Những năm gần đây TDTT tỉnh Quảng Ninh đã có những bước phát triển đáng kể trên cả hai lĩnh vực thể thao phong trào và thể thao đỉnh cao. Song thành tích so với một số tỉnh thành khác vẫn còn khá khiêm tốn. Nghiên cứu thực trạng đặc điểm xã hội số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của tỉnh Quảng Ninh sẽ là cơ sở để đưa ra được những giải pháp hữu hiệu phát triển phong trào TDTT tỉnh Quảng Ninh là một việc làm cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương

pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp phỏng vấn; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp quan sát sự phạm và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Theo số liệu thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ninh, năm 2014 toàn tỉnh có tổng số 251691 người đạt tiêu chuẩn người tập luyện TDTT thường xuyên chiếm tỉ lệ 18.78% dân số toàn tỉnh. Trong đó, số người tập luyện TDTT thường xuyên phân bố không đồng đều ở các địa phương, kết quả cụ thể trình bày trên bảng 1.

*TS, Bộ môn Lý luận TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**TS, Bộ môn Bóng bàn, Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Bảng 1. Số người tập luyện TDTT thường xuyên tại các địa phương của tỉnh Quảng Ninh

TT	Khu vực	Nhân khẩu (10/2014)	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	Tỉ lệ %
1	TP. Hạ Long	221580	52071	23.5
2	TP. Cẩm Phả	195800	43742	22.34
3	TP. Uông Bí	157779	35674	22.61
4	TP. Móng Cái	80000	16568	20.71
5	TX. Đông Triều	156627	29963	19.13
6	TX. Quảng Yên	139596	27626	19.79
7	Huyện Hoành Bồ	46288	8582	18.54
8	Huyện Vân Đồn	40204	5512	13.71
9	Huyện Cô Tô	4985	630	12.64
10	Huyện Tiên Yên	44352	8316	18.75
11	Huyện Bình Liêu	27629	5145	18.62
12	Huyện Ba Chẽ	18877	3230	17.11
13	Huyện Đầm Hà	33219	5421	16.32
14	Huyện Hải Hà	52279	9212	17.62
Tổng		1219215	251691	18.78

Số người tập luyện TDTT thường xuyên của thành phố Hạ Long chiếm tỉ lệ cao nhất, đạt 23.5%; tiếp đến là thành phố Cẩm Phả, Uông Bí đạt tỉ lệ lần lượt là 22.34 và 22.61%. Ở các địa phương khác tỉ lệ này giảm dần, đặc biệt hai huyện đảo Vân Đồn và Cô Tô đạt tỉ lệ thấp là 13.71 và 12.64%. Đây là hai huyện còn nhiều khó khăn về các điều kiện cơ sở hạ tầng và các vấn đề phát triển kinh tế xã hội. Như vậy, có thể thấy số người tập luyện TDTT thường xuyên của tỉnh Quảng Ninh còn thấp so với mục tiêu phát triển TDTT quần chúng năm 2014 mà Sở văn hóa thể thao vào du lịch Quảng Ninh ban hành[3] và thấp so với một số tỉnh thành

trong cả nước (Quảng Trị đạt tỉ lệ 28% năm 2014) [4]. Đồng thời qua đây thấy rằng những địa phương có điều kiện tốt hơn thì số người tập luyện TDTT thường xuyên cũng cao hơn.

2. Động cơ và địa điểm tham gia tập luyện TDTT thường xuyên

Trên cơ sở thống kê số người tập luyện TDTT thường xuyên tại các địa phương trong toàn tỉnh Quảng Ninh, đề tài tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên tại 14 địa phương, mỗi địa phương 100 người về động cơ tham gia tập luyện TDTT. Kết quả sau khi xử lý được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Động cơ tập luyện TDTT thường xuyên (n=1400)

TT	Động cơ tập luyện	Số người	Tỉ lệ %
1	Củng cố, tăng cường sức khỏe	1018	72.7
2	Giải tỏa căng thẳng tâm lý	742	53.01
3	Nâng cao năng lực vận động	371	26.51
4	Duy trì thói quen tập luyện từ trước	321	22.95
5	Giao lưu bạn bè	316	22.57
7	Giảm cân, cải thiện thể hình	162	11.55
8	Tập để hướng dẫn người khác	100	7.16
9	Bù đắp thiếu hụt vận động	80	5.68
10	Tập luyện để chữa bệnh và hồi phục chấn thương	53	3.79

Kết quả tại bảng 2 cho thấy: Số người tập luyện TDTT chủ yếu để củng cố, tăng cường sức khỏe và để giải tỏa căng thẳng chiếm tỉ lệ cao

(tương ứng là 72.7 và 53.01%). Ngoài ra các động cơ khác như giao lưu bạn bè, giảm cân, cải thiện thể hình hay để bù đắp thiếu hụt vận động



Tập luyện TDTT thường xuyên giúp tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất lành mạnh
(ảnh minh họa, nguồn Internet)

cũng được nhiều người lựa chọn. Cũng có một số người sử dụng TDTT như một phương tiện để chữa bệnh và hồi phục cơ thể sau chấn thương. Như vậy động cơ tập luyện là khá đa dạng. Về địa điểm tập luyện, thông qua quan sát và phỏng vấn những người tham gia tập luyện thường xuyên trên các địa bàn trong tỉnh, số liệu trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Địa điểm thường được sử dụng trong tập luyện (n=1400)

TT	Địa điểm tập	Số người	Tỉ lệ %
1	Công trình TDTT công cộng	734	52.44
2	Không gian gần nơi ở	307	21.96
3	Các phòng tập cá nhân	190	13.56
4	Tại gia đình	142	10.15
5	Nơi khác	26	1.89
Tổng		1400	100

Các công trình TDTT công cộng và không gian gần nơi ở là nơi tập luyện được đa số người dân lựa chọn. Trong những năm gần đây phong trào mở các phòng tập thể hình phục vụ nhu cầu tập luyện của nhân dân khá phát triển. Tuy vậy, số lượng phòng tập còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu. Một số người do ngại di chuyển ra ngoài đã tập luyện ngay tại nhà với các máy tập tự trang bị và các bài tập với các vật dụng gia đình. Tỉ lệ này là khá thấp, chỉ chiếm 10.15%.

3. Thành phần nghề nghiệp và những môn thể thao thường được sử dụng của những người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên tỉnh Quảng Ninh



Thành phần nghề nghiệp của những người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên được trình bày trên bảng 4.

Bảng 4. Thành phần nghề nghiệp của những người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên tỉnh Quảng Ninh (n=1400)

TT	Nghề nghiệp	Số người	Tỉ lệ %
1	Công nhân	325	23.19
2	Nông dân	136	9.68
3	Công chức, viên chức	426	30.44
4	Lao động tự do	367	20.21
5	Nghề khác	146	16.48
Tổng		1400	100

Cán bộ công chức, viên chức là những người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên chiếm tỉ lệ cao nhất, 30.44%; tiếp đến là tầng lớp công nhân. Quảng Ninh là tỉnh có số lượng công nhân khá đông, tập trung trong lĩnh vực khai thác than, phong trào tập luyện TDTT của công nhân trong các công ty khai thác than là khá tốt. Ngược lại, nông dân là những người ít tham gia hoạt động TDTT thường xuyên, chỉ chiếm 9.68%. Như vậy, đặc điểm số người tập luyện TDTT thường xuyên phân bố không đều ở các ngành nghề, chủ yếu tập trung trong giới công chức, viên chức và công nhân.

Tiếp tục nghiên cứu việc lựa chọn môn thể thao để tập luyện, đề tài thống kê các môn thể thao thường được sử dụng. Kết quả trình bày tại bảng 5.



Đi bộ, chạy và các môn bóng là những nội dung, môn thể thao được đông đảo người dân lựa chọn tập luyện (ảnh minh họa, nguồn Internet)

Bảng 5. Các môn thể thao thường được lựa chọn trong tập luyện (n=1400)

TT	Môn thể thao	Số người	Tỉ lệ %
1	Đi bộ, chạy	455	32.49
2	Các môn bóng	417	29.76
3	Cầu lông	366	26.13
4	Thể dục	307	21.92
5	Thái cực quyền	252	17.99
6	Bơi	195	13.93
7	Bóng bàn	165	11.78
8	Quần vợt	148	10.6
9	Các môn võ	116	8.25
10	Khiêu vũ	80	5.68

Qua bảng 5 cho thấy: Các môn bóng và môn đi bộ, chạy là những nội dung được người dân lựa chọn sử dụng nhiều hơn cả, chiếm tỉ lệ khá cao, lần lượt là 29.76 và 32.49%. Cầu lông cũng là nội dung được nhiều người lựa chọn, chiếm tỉ lệ 26.13%. Ngoài ra các nội dung khác như thể dục, Thái cực quyền, Bơi lội, Bóng bàn cũng là những nội dung được sử dụng trong tập luyện của người dân. Mặc dù chiếm tỉ lệ không nhiều nhưng Khiêu vũ cũng là một nội dung được chú ý trong tập luyện. Như vậy, việc lựa chọn môn thể thao tập luyện cũng thể hiện nhu cầu đa dạng của người dân, tùy thuộc vào đặc điểm điều kiện và sở thích cá nhân mà lựa chọn những nội dung phù hợp với bản thân để tập luyện.

KẾT LUẬN

1. Số người tập luyện TDTT thường xuyên của tỉnh Quảng Ninh đạt tỉ lệ thấp so với mục tiêu phát triển TDTT quần chúng năm 2014 mà

Sở văn hóa thể thao vào du lịch Quảng Ninh ban hành.

2. Đa số người dân đều xác định động cơ tập luyện đúng đắn vì sức khỏe. Địa điểm tham gia tập luyện thường là các công trình thể thao công cộng và không gian gần nơi ở.

3. Tỉ lệ người tập luyện thể thao thường xuyên phân bố không đồng đều theo ngành nghề, chủ yếu tập trung ở bộ phận công chức, viên chức và công nhân. Việc lựa chọn môn thể thao để tập luyện tập trung vào những môn yêu cầu thiết bị và phương pháp tập luyện đơn giản như đi bộ, chạy và những môn đối kháng nhiều cảm xúc như các môn bóng, môn Cầu lông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Trần Mạnh Hưng (2014), Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào TDTT thành phố Đà Nẵng, *Luận án tiến sĩ giáo dục học*, Học viện TDTT Vũ Hán, Trung Quốc.

3. Sở văn hóa, thể thao và du lịch Quảng Ninh (2015), *Báo cáo đánh giá tình hình phát triển phong trào TDTT quần chúng Quảng Ninh 2014*, Quảng Ninh.

4. Trương Thanh Tuấn (2015), *TDTT Quảng Trị với một số kết quả đạt được sau hơn hai năm triển khai thực hiện nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ chính trị*, Bài báo đăng trên trang website tổng cục TDTT, Hà Nội.